

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

(Nguyễn Đình Chiểu)





Mộ Nguyễn Đình Chiểu



A. Phần 1: Tác giả :

I/ Tiểu sử- cuộc đời:

- (1822- 1888), Tự: Mạnh Trạch; Hiệu : Trọng Phủ, Hối Trai(cái phòng tối)
- Sinh tại quê mẹ: Tân Thới – Bình Dương- Gia Định(nay là TP Hồ Chí Minh)
- Xuất thân: Trong gia đình nhà Nho

-Những nét chính cuộc đời:

+1833 NĐC vào Huế học, 1843 đỗ tú tài tại trường thi Gia Định.

1847 ông ra Huế học chờ khoa thi Kỉ Dậu 1849 lúc sắp thi được tin mẹ mất, bỏ thi về Nam chịu tang mẹ. Trên đường về NĐC bị đau mắt nặng lại khóc mẹ quá nhiều nên bị mù 2 mắt.-> NĐC lâm vào cảnh: đau thương, bệnh tật, công danh giang dở.

+ Đến 1851 ĐC mở lớp dạy học và làm thuốc chữa bệnh cho người nghèo, sáng tác thơ văn

-> Trong con người NĐC có sự kết hợp của 3 tố chất: nhà giáo, thầy thuốc, nhà văn.

+ 1859 Pháp đánh Gia Định, NĐC cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn mưu đánh giặc và sáng tác thơ văn chiến đấu

Cuộc đời ông là một tấm gương sáng về nghị lực và đạo đức, suốt đời chiến đấu không biết mệt mỏi cho lẽ phải, cho quyền lợi của nhân dân.

II. Sự nghiệp thơ văn

1. Các tác phẩm chính(chủ yếu chữ Nôm)

+ Truyện Lục Vân Tiên

Dương Từ Hà Mậu

+ Chạy giặc

Văn tế nghĩa sĩ cần giuộc

2. Quan điểm sáng tác

Dùng thơ văn để chở đạo làm người, đề “*đâm gian, chém tà*”, chiến đấu cho bảo vệ đạo đức và chính nghĩa.

3. Nội dung thơ văn

3.1. Thơ văn NĐC thể hiện lí tưởng đạo đức nhân nghĩa sâu sắc

- Cơ sở lí tưởng đạo đức nhân nghĩa:

+ Nhân: Tình yêu thương con người, sẵn sàng cứu mang con người trong cơn hoạn nạn.

+ Nghĩa: Là quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người trong xã hội

Xuất phát từ đạo nho nhưng lại mang đậm tính nhân dân và truyền thống

- Nhân vật đều là mẫu lí tưởng: sống nhân hậu, thủy chung, ngay thẳng, dám xả thân vì nghĩa lớn...
- VD: Lục Vân Tiên trước khi vào kinh ứng thí trở về thăm ch mẹ, dọc đường gặp bọn cướp Phong lai đang hoành hành -> Vân Tiên một mình đánh tan bọn cướp và cứu được KNN.

3.2.Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thể hiện lòng yêu nước thương dân

- Ghi lại chân thực một thời đau thương của đất nước- của nhân dân khi thực dân Pháp xâm lược (“Chạy giặc”).
- Tố cáo tội ác của bọn cướp nước và bọn bán nước (Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc).
- Ca ngợi,khích lệ tinh thần yêu nước đánh Pháp của nhân dân (đặc biệt là người nông dân đánh giặc)(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc; Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh; Thơ điệu Phan Tòng...)

-Bày tỏ thái độ kiên trung, bất khuất của những con người thất thế nhưng vẫn hiên ngang, tin tưởng và hy vọng vào tương lai.

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

=> Thơ văn NĐC đã đáp ứng xuất sắc những yêu cầu của cuộc sống và chiến đấu đương thời, có tác dụng động viên, khích lệ không nhỏ tinh thần và ý chí cứu nước của nhân dân.

4. Nghệ thuật thơ văn

- Bút pháp trữ tình xuất phát từ cõi tâm trong sáng, nhiệt thành và đầy tình yêu thương.
- Mang đậm sắc thái Nam bộ từ lời ăn tiếng nói: (mộc mạc, bình dị) -> đến tâm hồn: (nồng nhiệt, chất phác).
- Các sáng tác thiên về truyện kể, màu sắc diễn xướng phổ biến trong văn học dân gian(nhất là Nam Bộ)

III. Ghi nhớ :

- *Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu* là một tấm gương sáng,cao đẹp về nhân cách,nghị lực và ý chí, lòng yêu nước-thương dân và thái độ kiên trung bất khuất trước kẻ thù.
- *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* là một bài ca đạo đức, nhân nghĩa; là tiếng nói yêu nước cất lên từ cuộc chiến đấu chống quân xâm lược, là thành tựu nghệ thuật xuất sắc mang đậm sắc thái Nam Bộ.

B/Tác phẩm :

“Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”

- I/Tìm hiểu chung:

- 1/ Hoàn cảnh ra đời của bài văn tế:

-Đêm 16/ 12/ 1861 , các nghĩa sĩ đã tấn công đồn Cần Giuộc, giết được tên quan 2 Pháp và một số lính thuộc địa. Họ đã làm chủ đồn được 2 ngày, sau đó bị phản công và thất bại. Khoảng 20 nghĩa quân đã bị hi sinh.

-Theo yêu cầu của viên tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang, NĐC đã viết bài văn tế này.



**Chùa Tôn Thạnh ở ấp Thanh Ba xã Mỹ Lộc huyện
Cần Giuộc tỉnh Long An – Nơi NĐC viết văn tế
nghĩa dân chết trong trận Cần Giuộc**

2/ Thể loại : Văn tế

-**Tế** là loại văn thời cổ có nguồn gốc từ Trung Quốc. Thể loại này được dùng vào nhiều mục đích trong đó có tế người đã khuất.

-**Bố cục 1 bài văn tế** : bao giờ cũng gồm 4 phần

+ **Lung khởi**: Luận chung về lẽ sống chết

+ **Thích thực**: Kể về công đức, phẩm hạnh.

Cuộc đời của người đã chết

+ **Ai vãn**: Niềm thương tiếc đối với người đã mất

+ **Khốc vận(kết)**: bày tỏ lòng tiếc thương và lời cầu nguyện của người đứng tế.

- → **Bố cục** của bài văn cũng
gồm **Tìm bố cục của bài văn
tế nghĩa sĩ Cần Giuộc?**
- + **Phần 1** : **Bối cảnh thời
đại và ý nghĩa cái chết
dân**
- + **Phần 2** : **Thích thực (câu 3->15) - Hồi tưởng lại
công đức của người nông dân - nghĩa sĩ**
- + **Phần 3** : **Ai điều (câu 16 → câu 28) - Bày tỏ lòng
thương tiếc, sự cảm phục của tác giả đối với
nghĩa sĩ**
- + **Phần 4** : **Khốc tậ(kết) (2 câu cuối) - Ca ngợi
linh hồn bất tử của các nghĩa sĩ.**



Nhà thờ Các nghĩa sĩ Cần Giuộc

II/ Đọc hiểu :

1. Đọc và giải nghĩa từ khó:

-Đọc chậm, âm điệu buồn, bi thương, đau xót. Giữa các phần trong bài cần ngắt giọng lâu hơn để tạo dư âm.

+ Phần lung khởi :

Đọc giọng trang trọng, nhấn vào các từ chỉ hình ảnh rộng lớn và miêu tả âm thanh, ánh sáng → làm nổi bật sự suy ngẫm về lẽ sống chết ở đời.

- +Phần thích thực :
 - **Đọc giọng hồi tưởng, bồi hồi ở đoạn nói về nguồn gốc của nghĩa binh. Đoạn miêu tả bức tranh công đồn cần đọc giọng nhanh, dồn dập.**
 - +Phần ai điều-ai văn và phần kết:
 - **Đọc âm điệu lâm li, chậm, thống thiết, xót xa, trang nghiêm và thành kính.**
- Giải thích từ khó(SGK)**

- 2. Tìm hiểu văn bản:
- a. Phần lung khởi :Hoàn cảnh hy sinh của nghĩa quân:
- - **Câu 1:**
- **Súng giặc đất rền > < lòng dân trời tỏ**

sự hiện diện của các
thể lực vật chất xâm
lược bạo tàn

Ý chí , nghị lực của
lòng dân quyết tâm
đánh giặc, cứu nước

- Kết hợp Việc sử dụng tượng ngữ: động từ (rền tỏ) đi kèm với yếu tố không gian(Đất, trời)

→ Đã khái quát được **bối cảnh và tình thế căng thẳng của thời đại**: Một cuộc đụng độ giữa giặc xâm lược tàn bạo và ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân ta. → Đây là quan điểm nhìn nhận thời cuộc khá sâu sắc và tiến bộ của Nguyễn Đình Chiểu

-Câu 2:

Mười năm võ ruộng

Chưa chắc còn danh nổi tợ phao

(Không ai biết đến)

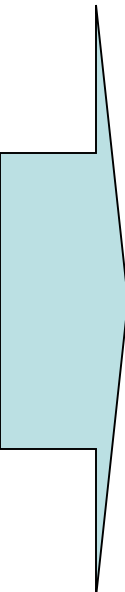
- Một trận nghĩa đánh tây

tiếng văng như mõ

(nhiều người biết đến)

Kết hợp với lối so sánh giản dị -> phản ánh được sự chuyển biến mau lẹ, sức vùng lên nhanh chóng của người nghĩa sĩ yêu nước

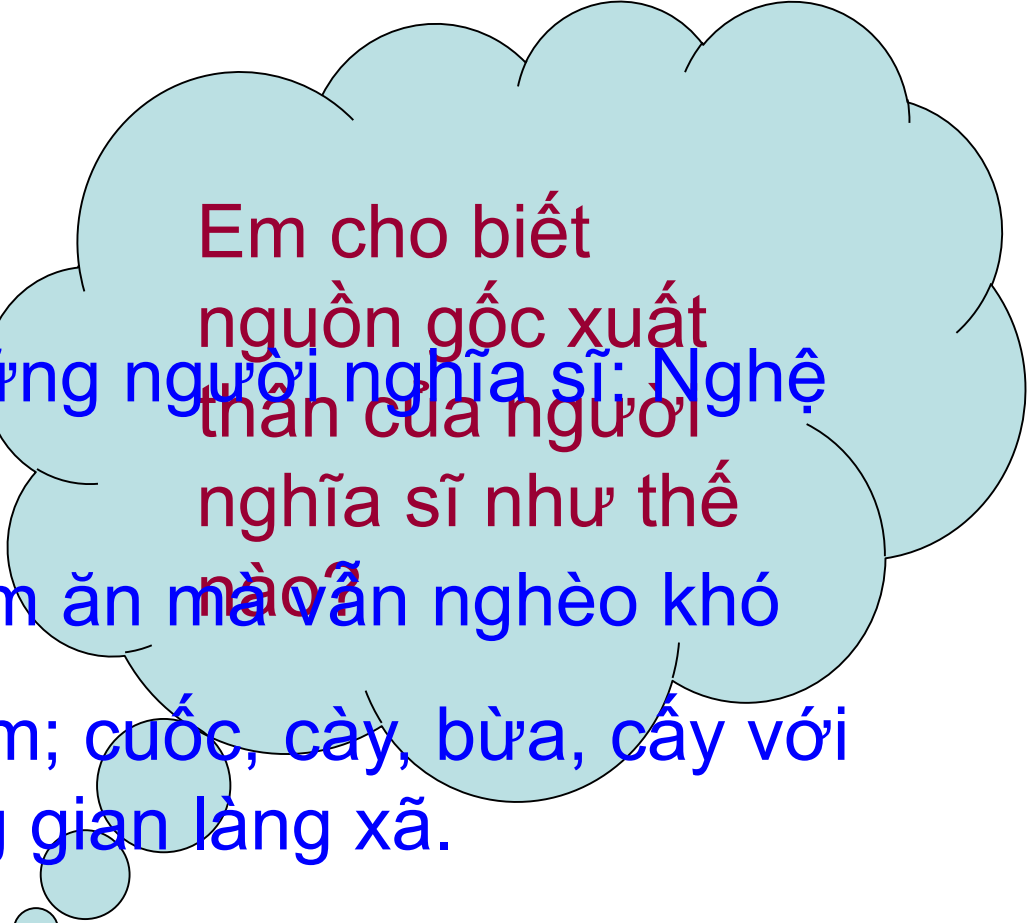
- Đồng thời khái quát cái chết bất tử của người nông dân – nghĩa sĩ -> Vẻ đẹp chân dung nghĩa sĩ Cần Giuộc



2 câu lung khởi đã khái quát bối cảnh lịch sử và nêu rõ thái độ ca ngợi cái chết vẻ vang, tinh thần bất diệt của của những người nông dân yêu nước đã hi sinh anh dũng trong trận đánh Cần Giuộc

2.2. Thích thực.

- Nguồn gốc của những người nghĩa sĩ; Nghệ thuật liệt kê
 - + Suốt đời cui cút làm ăn mà vẫn nghèo khó
 - + Công việc quen làm; cuốc, cày, bừa, cấy với ruộng châu--> không gian làng xã.
 - + Chưa biết binh đao, trận mạc; tập khiên, súng, mác, cờ chưa từng ngó
- => Họ là những người nông dân thực thụ



Em cho biết
nguồn gốc xuất
thân của người
nghĩa sĩ như thế
nào?

- > Thái độ tình cảm của tác giả
- + Xúc động cảm thông chia sẻ với cuộc đời nhỏ bé và thân phận “con sâu, cái kiến” của người nông dân nghèo khổ.
- + Có thể nói bao nhiêu tình cảm yêu thương của nhà thơ giành cho người nông dân đánh giấc được nén ở 2 chữ ” cùi cút” trong đoạn thơ

Giảm nhận của em

về thái độ, tình cảm

của tác giả khi nói

về nguồn gốc xuất

thân của người

nghèo khổ?

-Người nghĩa sĩ đánh tây:

+ Thái độ: Ghét(thói mọi như nhà nông ghét cỏ) -> nâng lên thành hành động căm thù (muốn ăn gan, cắn cổ, tiêu diệt, chém)

Từ câu 6 đến câu 9 cho ta biết điều gì?

+ Nhận thức vai trò trách nhiệm đối với đất nước;

. Một mối xa thư(quốc gia: phải có độc lập, có chủ quyền)

. Há để ai chém rắn đuổi hổ như (trách nhiệm về vai trò bản thân đối với quốc gia dân tộc) trách nhiệm của mình đối

. Nào đợi ai đòi, ai bắt.... chẳng thêm trốn ngược trốn xuôi(tự nguyện xung phong đánh giặc)

Người nông dân đã có nhận thức như thế nào về vai trò trách nhiệm của mình đối với đất nước. Em có nhận xét gì về nhận thức của họ?

=> Nhận thức đúng đắn

-Nghệ thuật:

- + So sánh dân già , gần gũi, dễ hiểu và gần với công việc đồng áng của người nông dân (...như trời hạn trông mưa, ...như nhà nông ghét cỏ) được thể hiện trong đoạn văn như thế nào?
- + Dùng một loạt động từ mạnh: ăn gan, cắn cổ (câu 3 -> câu 9). Tác dụng của chúng?
- + Dùng các điển tích, điển cố

=> Thể hiện lòng căm thù giặc cao độ, khẳng định ý thức độc lập dân tộc, tinh thần trách nhiệm của công dân đối với tổ quốc -> đó là sự chuyển biến trong nhận thức của người nông dân

- Nhựt Nguyễn Sinh Chiếu (c) can (c) m
(c) ó bíc ra khái tốp l(c)u (c)ui cĩa ng«n ng÷ b,c
hãc, (c)õn vớ tốp l(c)u cá cĩa ng«n ng÷ b«nh
d(c)n, ph« bự h(c)t l(c)ng c' m thì giÆc cĩa n«ng
d(c)n mét c, ch m·nh li(c)t. H(c) thềng ng«n tở Nam
Bé m'nh mĩ, d(c)t kho, t lét t(c) b(c)n chÊt ngêi n«ng
d(c)n quy(c)t kh«ng (c)éi trêi chung vớ giÆc. N(c)u
kh«ng cã l(c)ng y^au níc Nguyễn Sinh Chiếu
kh«ng thó hi(c)u thÊu l(c)ng ngêi d(c)n (c)õn nh
v(c)y (c)íc.

- Trang bị:

- + Manh áo vải
- + Ngọn tầm vông
- + Rơm con cúi
- + Lưỡi dao phay

Người nông dân
nghĩa sĩ đã được
trang bị như thế
nào? Tìm dẫn chứng
minh họa?

Nghệ thuật:
liệt kê, chi tiết
chân thực có
sức gọi cao

Vật dụng : nghèo nàn, thô sơ trong cuộc sống lao động hàng ngày -> bỗng trở thành vũ khí để nghĩa quân đánh giặc. Đối lập với kẻ thù (súng)

-Tinh thần chiến đấu:

- + Đạp rào lướt tới
- + Xô cửa xông vào
- + Đâm ngang chém ngược

Hàng loạt **động từ mạnh**, nhịp điệu dồn dập, nhanh mạnh dứt khoát => đặc tả được khí thế chiến đấu mạnh mẽ quyết liệt và làm nổi bật lên sự hi sinh quên mình của các nghĩa sĩ trong trận Cần Giuộc

**- Nguyễn Xuân Chiếu không hề tẻ, mặt
cổ đỏ ngầy n mét, m không lam lò, r, ch
rỉ, tay dao tay gầy, aß mu x không vmo ản
giãc.**

**-Lợn Chu tiên Nguyễn Xuân Chiếu ra vmo
văn hắc bạc tưng mũi ngho thết vò ngêi
không dón lao éng hơnh tr,ng, hốt mnh,
quán mnh trong chiôn Âu.**

**-Đến đây ta bỗng giật mình bởi nhà thơ mù NĐC
đã nhìn hiện thực chiến đấu của nhân dân sáng
tỏ hơn cả người mắt sáng. Có lẽ sức mạnh của
thành công ấy chính là do: chư tâm kia..bằng 3
chữ tài**

Híng dÉn vÒ nhự.

- So¹n v²n t₃i hiÖn h×nh ¶nh ngêi n«ng d©n
– nghÜa sÜ trong chiÖn ®Êu ®¹t gi₃, trÞ
nghÖ thuËt cao ẽ ®iÓm nµo? (VÒ nghÖ
thuËt x©y dùng nh©n vËt, nghÖ thuËt
ng«n ng÷, bót ph₃p tr÷ t×nh?)
- Hăc thuéc lßng 2 ®o¹n ®Çu.
- N³/₄m néi dung búi hăc.
- So¹n búi tiÕp tiÕt 3.

Tiết 3: Văn tổ nghề sũ Cộn Giuéc

(Nguyễn Sinh Chiếu)
Trao ðãi cÆp.

Nhãm lĩ: TiÕng khãc cĩa t,c gi¶ xuÊt ph,t tĩ
nhiÒu nguãn c¶m xóc? Theo em ðã lụ
nguãn c¶m xóc g×?

Nhãm ch½n: NhËn xĐt nhÞp vñ, giăng
ðĩu trong phÇn ai vñ?

Nhãm I: TiÕng khãc cĩa t,c gi¶ xuÊt
ph,t tĩ nhiÒu nguãn c¶m xóc? Theo
em ®ã lµ nguãn c¶m xóc g×?

TiỐt 3: V"n tỐ nghÜa sÜ CÇn Giuéc. (NguyÔn §×nh ChiÓu)

3.3. PhÇn ai v·n.

- H×nh tìng ngêi n«ng d©n nghÜa sÜ hiÖn l²n tỐ dßng níc m³/t cña §ả ChiÓu, bao trìm toµn bé búi v"n tỐ lụ h×nh tìng t,c gi¶.
- TiỐng khấc §ả ChiÓu hìp thụnh bëi 3 yỐu tè : Níc, D©n, Trêi. §ả ChiÓu nh©n danh vËn níc, nh©n danh lÞch sô mụ khấc cho nh÷ng ngêi anh hìng x¶ th©n cho Tæ Quèc. TiỐng khấc Êy cã tÇm vấc sô thi, tÇm vấc thêi ®¹i.

Nhằm ch $\frac{1}{2}$ n: Nhấn xĐt nhĐp v"n, giảng
©iÖu trong phÇn ai v·n?

- Giảng $\text{Ri}\ddot{\text{O}}\text{u}$ Ra thanh, giúp cung bậc t^1o $\text{n}^{\text{a}}\text{n}$ nh÷ng c©u vñ thết vết v·, Rín Rau .
- H×nh ¶nh gia $\text{R} \times \text{nh}$ tang tấc, c« $\text{R} \neg \text{n}$, chia l×a, gii kh«ng khÝ Rau th¬ng, bản b· sau cuéc chiÕn.
- NhÞp c©u trÇm l $\frac{3}{4}$ ng, gii kh«ng khÝ l¹nh llo, hii h $\frac{3}{4}$ t sau c, i chÕt cña nghÜa qu©n.
- T, c gi¶ sø đông h×nh ¶nh $\text{R}\tilde{\text{Np}}$ biÓu hiÕn bÒ s©u c, i chÕt cao quý cña nghÜa sÜ.

3.4. PhÇn khèc tĒn (kỐt).

- T,c gi¶ ®Ò cao quan niÖm : **ChỐt vinh cßn h¬n sèng nhôc**. Nªu cao tinh thÇn chiỐn ®Êu, x¶ th©n v× nghÜa lín cña nghÜa qu©n. Hã ra trĒn kh«ng cÇn c«ng danh bæng léc mụ chØ v× mét ®iÒu rĒt gi¶n ®¬n lụ yªu níc.
- §©y lụ c,i tang chung cña mãi ngêi, cña c¶ thêi ®¹i, lụ khóc bi tr,ng vÒ ngêi anh hĩng thĒt thỐ nhng hiªn ngang.

4. KÖt luËn.

- Bụi v"n tÖ lụ h×nh ¶nh ch©n thùc vÒ ngêi n«ng d©n ViÖt Nam chềng Ph, p vớỉ lßng yªu n-íc vµ lßng c"m thĩ giÆc s©u s¾c, tinh thÇn chiÖn ®Êu hi sinh anh dònđ tuyÖt vôi cĩa ngêi n«ng d©n Nam Bé trong phong trạo chềng Ph, p cuèi XIX.
- Vớỉ bụi v"n tÖ nựy lÇn ®Çu tiªn trong lÞch sô VH d©n tíc cũ mét tìng ®µi nghÖ thuËt sõng s÷ng vÒ ngêi n«ng d©n t÷ng xõng vớỉ phÈm chÈt vèn cũ ngoµi ®êi cũ hã.

III. Ghi nhí.

- SGK

Cũng cè luyÖn tËp.

- Em hiÓu 2 c©u v"n sau nh thÕ nµo?

Sèng lµm chi theo qu©n tµ ®'o, qu"ng vĩa h"ng, x« bµn ®éc, thÊy l'i th"m buån; Sèng lµm chi ẽ lÝnh m· tµ chia rîu l't, gÆm b,nh m×, nghe cụng th"m hæ.

Thµ th,c mµ ®Æng c©u ®pch kh,i, vÒ theo tæ phô còng vinh; h"n cßn mµ chÞu ch÷ ®Çu T©y, ẽ vĩa man di rÊt khæ.

Lí tưởng nhân nghĩa: Lấy dân làm gốc,
yêu nước thương dân và căm thù giặc
sâu sắc

Cho biết sự gần gũi
về tư tưởng nhân
nghĩa giữa hai tác
giả Nguyễn Trãi và
Nguyễn Đình Chiểu

Híng dÉn vÒ nhự.

- Hăc thuéc lÛng bụi v"n tÕ.
- N^{3/4}m ch^{3/4}c néi dung bụi hăc theo tổng phÇn.
- So¹n bụi theo ph©n phèi ch¬ng tr×nh.